

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAM RÔNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST  
Ngày: 18/10/2018  
V/v Tranh chấp hợp  
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình.***

***Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Trần Ngọc Bân.***

***- Ông: Dương Văn Mạnh.***

***Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Chiến*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Biên*** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 35/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Ngọc X**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh L.

Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Vợ chồng ông **Hoàng Gia Bảo T**, sinh năm: 1976, bà **Phạm Thị A**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện R, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc X trình bày:***

Ngày 02/5/2018, bà X có cho vợ chồng ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A vay số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn nợ, thời hạn vay 10 ngày. Vợ chồng ông T, bà A đã tự nguyện trả cho bà X được 10.000.000 đồng tiền lãi. Đến thời hạn trả nợ, bà X có đến yêu cầu vợ chồng ông T, bà A trả nợ những đến nay chưa trả. Do đó bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Hoàng Gia Bảo T

bà Phạm Thị A phải trả cho bà X số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi 5.400.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể là yêu cầu ông T, bà A trả số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và xem xét, tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền lãi 10.000.000 đồng đã trả. Ngoài ra bà X không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

***Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A trình bày:***

Ông T, bà A thừa nhận vào ngày 02/5/2018 vợ chồng ông bà có vay số tiền 60.000.000 đồng của bà Trần Thị Ngọc X. Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông bà chưa trả được cho bà X. Qua yêu cầu khởi kiện của bà X thì ông T, bà A chấp nhận trả cho bà X số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, đối với lãi suất, ông T, bà A thống nhất xem xét, tính lãi theo ý kiến của bà X đối với số tiền lãi 10.000.000 đồng đã trả. Ngoài ra ông T, bà A không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn ông T, bà A; Buộc ông T, bà A phải trả cho bà X số tiền là 55.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc X có cho bị đơn ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A vay số tiền là 60.000.000 đồng. Ông T, bà A đã trả được 10.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, số tiền nợ gốc đến nay chưa trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và 5.400.000 đồng tiền lãi. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

[3] Xét về hợp đồng vay giữa bà Trần Thị Ngọc X với vợ chồng ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A:

Các bên đều thống nhất vào ngày 02/5/2018, giữa bà X với vợ chồng ông T, bà A có xác lập hợp đồng vay với tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng. Khi vay hai bên

có viết giấy vay và có chữ ký của bên vay bà A; Lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không rõ mức lãi. Thời hạn trả nợ gốc và lãi suất ngày 12/5/2018 Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà A đã trả cho bà Xuân 10.000.000 đồng tiền lãi, số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi suất quá hạn đến nay chưa trả. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà X thay đổi yêu cầu cụ thể là yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền lãi là 10.000.000 đồng ông T, bà A đã trả.

[4] Từ những căn cứ trên, xét ý kiến, yêu cầu của các bên cụ thể như sau:

Đối với yêu cầu ông T, bà A phải trả số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng của bà X là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi suất, tuy các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không rõ mức lãi và đều có yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất như sau:

Lãi suất trong hạn:  $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 10 \text{ ngày} = 166.000 \text{ đồng}$ .

Lãi suất trên số nợ gốc quá hạn chưa trả:  $60.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 3.900.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền lãi suất trong hạn, quá hạn phải trả là  $166.000 \text{ đồng} + 3.900.000 \text{ đồng} = 4.066.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền còn lại trong số tiền lãi đã trả là  $10.000.000 \text{ đồng} - 4.066.000 \text{ đồng} = 5.934.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền nợ gốc buộc ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc Xuân là  $60.000.000 \text{ đồng} - 5.934.000 \text{ đồng} = 54.066.000 \text{ đồng}$ .

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A phải chịu  $54.066.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.703.000 \text{ đồng}$ .

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Ngọc X.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc X về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A.

Buộc ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc X số tiền là 54.066.000 đồng (Năm mươi bốn triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)

*(Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự).*

**2. Về án phí:** Buộc ông Hoàng Gia Bảo T, bà Phạm Thị A phải nộp số tiền 2.703.000 đồng (Hai triệu bảy trăm lẻ ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc X số tiền 1.635.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003600 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đặng Ngọc Bình**